

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1470/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 17 tháng 7 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023  
huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (lần 2)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua Danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019, Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 14/11/2019, Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua Danh mục các dự án quốc phòng, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng; danh mục các dự án xin chủ trương chuyển mục đích rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 29/3/2019 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ thông qua danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 02/2020NQ-HĐND ngày 04/3/2020 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Thanh Sơn; Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (lần 1);*

*Theo đề nghị của UBND huyện Thanh Sơn (Tờ trình số 872/TTr-UBND ngày 16/6/2023) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 412/TTr-TNMT ngày 11/7/2023).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Thanh Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

### **1. Phân bổ diện tích các loại đất:**

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là 55795,28 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 19,86 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa là 4556,05 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 3,10 ha.

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 1582,05 ha, giảm so với diện tích theo kế hoạch được duyệt là 0,43 ha.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 6792,97 ha, giảm so với diện tích theo kế hoạch được duyệt là 7,38 ha.

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 30391,98 ha, giảm so với diện tích theo kế hoạch được duyệt là 8,87 ha.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 718,03 ha, giảm so với diện tích theo kế hoạch được duyệt là 0,09 ha.

- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là 5993,38 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 20,21 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất cụm công nghiệp là 66,00 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 20,00 ha.

+ Diện tích đất thương mại dịch vụ là 23,03 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,53 ha.

+ Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 2078,30 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,19 ha.

+ Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 1176,61 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,13 ha.

- Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng là 321,74 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,35 ha.

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Thanh Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt.

**Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Thanh Sơn**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh, bổ sung (ha)	So sánh tăng giảm (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>55815,14</b>	<b>55795,28</b>	<b>-19,86</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4559,14	4556,05	-3,10
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3296,94</i>	<i>3293,84</i>	<i>-3,10</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1582,48	1582,05	-0,43
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6800,35	6792,97	-7,38
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11672,07	11672,07	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	30400,84	30391,98	-8,87
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2834,19</i>	<i>2834,19</i>	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	718,12	718,03	-0,09
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	82,13	82,13	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5973,17</b>	<b>5993,38</b>	<b>20,21</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	380,83	380,83	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,56	0,56	
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	46,00	66,00	20,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	22,50	23,03	0,53
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	149,01	149,01	
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	440,16	440,16	
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	56,60	56,60	
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2078,49	2078,30	-0,19
-	Đất giao thông	DGT	1431,11	1431,11	
-	Đất thủy lợi	DTL	291,49	291,22	-0,27
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,49	2,49	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,51	6,51	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	101,11	101,11	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	32,21	32,21	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	18,14	18,22	0,08

-	Đất công trình buru chính viễn thông	DBV	1,54	1,54	<b>So</b>
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,91	0,91	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,02	2,02	
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	182,32	182,32	
-	Đất chợ	DCH	8,65	8,65	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	27,89	27,89	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	11,15	11,15	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1063,63	1063,63	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	162,58	162,58	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,08	23,08	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,80	0,80	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6,72	6,72	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1176,74	1176,61	-0,13
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	324,33	324,33	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,09	2,09	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>322,09</b>	<b>321,74</b>	<b>-0,35</b>

## **2. Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Thanh Sơn**

Công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 07 công trình, dự án, trong đó: 04 công trình, dự án bổ sung; 03 công trình, dự án điều chỉnh.

*(Chi tiết có phụ biểu đính kèm).*

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

**1.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Thanh Sơn; tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

**2.** UBND huyện Thanh Sơn có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ban hành. Chánh văn phòng UBND

tỉnh, Thủ trưởng cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, UBND huyện Thanh Sơn, Công ty Điện lực Phú Thọ và các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**

**BIỂU 02: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023  
HUYỆN THANH SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số: 1470/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)*

STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất											Căn cứ pháp lý
					LUC	BHK	CLN	RSX	RSM	NTS	ONT	DGT	DTL	SON	CSD	
<b>A</b>	<b>Các công trình bổ sung</b>			<b>20,61</b>	<b>3,68</b>	<b>0,29</b>	<b>3,71</b>	<b>0,59</b>	<b>10,61</b>	<b>0,60</b>	<b>0,00</b>	<b>0,37</b>	<b>0,28</b>	<b>0,13</b>	<b>0,35</b>	
<b>I</b>	<b>Đất cụm công nghiệp</b>			<b>20,00</b>	<b>3,10</b>	<b>0,28</b>	<b>3,70</b>	<b>0,59</b>	<b>10,61</b>	<b>0,60</b>	<b>0,00</b>	<b>0,36</b>	<b>0,28</b>	<b>0,13</b>	<b>0,35</b>	
<b>1</b>	Dự án Cụm công nghiệp Thăng Sơn	Xã Thăng Sơn	Công ty TNHH xây dựng và đầu tư Thành Công	20,00	3,10	0,28	3,70	0,59	10,61	0,60		0,36	0,28	0,13	0,35	Nghị quyết 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023
<b>II</b>	<b>Đất thương mại dịch vụ</b>			<b>0,53</b>	<b>0,53</b>											
<b>2</b>	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm gạch, thiết bị vệ sinh, vật liệu xây dựng và dịch vụ tổng hợp	Xã Văn Miếu	Doanh nghiệp TN Vỹ Linh Ngọc Việt	0,33	0,33											Nghị quyết 02/2023/NQ-HĐND ngày 7/4/2023
<b>3</b>	Cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu Võ Miếu	Xã Võ Miếu	Doanh nghiệp TN Vỹ Linh Ngọc Việt	0,20	0,20											Nghị quyết 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023
<b>III</b>	<b>Đất năng lượng</b>			<b>0,08</b>	<b>0,05</b>	<b>0,01</b>	<b>0,01</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,01</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>		
<b>4</b>	Cấp điện cho Khách hàng tại cụm công nghiệp Thục Luyện, tỉnh Phú Thọ	Xã Thục Luyện	Công ty điện lực Phú Thọ	0,08	0,05	0,01	0,01					0,01				Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023
<b>B</b>	<b>Công trình, dự án điều chỉnh</b>															
<b>I</b>	<b>Dự án kế hoạch được duyệt</b>			<b>29,48</b>	<b>6,41</b>	<b>0,06</b>	<b>9,74</b>	<b>10,62</b>	<b>0,00</b>	<b>1,24</b>	<b>0,73</b>	<b>0,47</b>	<b>0,08</b>	<b>0,00</b>	<b>0,13</b>	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất											Căn cứ pháp lý	
					LUC	BHK	CLN	RSX	RSM	NTS	ONT	DGT	DTL	SON	CSD		
1	Dự án Cụm công nghiệp Thục Luyện (giai đoạn 2)	Xã Thục Luyện	Công ty TNHH thương mại sản xuất gỗ Hùng Mạnh	26,00	3,52	0,03	9,37	10,50			1,21	0,73	0,47	0,06		0,11	Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
2	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 317D, đoạn từ Quốc lộ 70B, xã Tắt Thắng, huyện Thanh Sơn đi xã Sơn Thủy, huyện Thanh Sơn	Xã Tắt Thắng	Sở Giao thông vận tải	0,60	0,18	0,03	0,20	0,12			0,03			0,02		0,02	Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022
3	Khu tái định cư Cụm công nghiệp Thục Luyện và khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Giáp Trung, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn (trong đó: ONT 1,46 ha; DKV 0,49 ha; DSH 0,13 ha; DGT 0,80 ha)	Khu Giáp Trung, xã Thục Luyện	UBND huyện Thanh Sơn	2,88	2,71		0,17										Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022
<b>II</b>	<b>Dự án sau điều chỉnh (loại đất, địa điểm)</b>			<b>29,88</b>	<b>5,83</b>	<b>0,20</b>	<b>13,41</b>	<b>8,29</b>	<b>0,00</b>	<b>0,73</b>	<b>0,73</b>	<b>0,51</b>	<b>0,07</b>	<b>0,00</b>	<b>0,13</b>		
1	Dự án Cụm công nghiệp Thục Luyện (giai đoạn 2)	Xã Thục Luyện	Công ty TNHH thương mại sản xuất gỗ Hùng Mạnh	26,00	3,08	0,03	12,64	8,17			0,70	0,73	0,51	0,05		0,11	Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022;
2	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 317D, đoạn từ Quốc lộ 70B, xã Tắt Thắng, huyện Thanh Sơn đi xã Sơn Thủy, huyện Thanh Sơn	Xã Cự Đồng; xã Tắt Thắng	Sở Giao thông vận tải	1,00	0,18	0,03	0,60	0,12			0,03			0,02		0,02	Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023
3	Khu tái định cư Cụm công nghiệp Thục Luyện và khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Giáp Trung, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn (trong đó: ONT 1,46 ha; DKV 0,49 ha; DSH 0,13 ha; DGT 0,80 ha)	Khu Giáp Trung, xã Thục Luyện	UBND huyện Thanh Sơn	2,88	2,57	0,14	0,17										Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022